

Số: 408/BC-UBND

Đức Cơ, ngày 09 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Về việc đề xuất điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, làng khu vực biên giới xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020

Triển khai Công văn số 1461/SNNPTNT-VPNTM, ngày 05/6/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT: Về việc đề xuất điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, làng khu vực biên giới xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020.

Trên cơ sở Báo cáo số 251/BC-UBND, ngày 11/5/2020 của UBND huyện về việc đánh giá thực trạng các làng thuộc phạm vi Đề án 1385 phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 trên địa bàn huyện (đã gửi Sở Nông nghiệp-PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh). Ủy ban nhân dân huyện báo cáo như sau:

I. Về thực trạng các thôn, làng thuộc phạm vi Đề án 1385:

1. Tình hình chung:

Địa bàn huyện, có 2 xã (Ia Nan, Ia Pnôn) với 13 thôn, làng thuộc phạm vi thực hiện Đề án 1385, kết quả rà soát, đánh giá thực trạng Bộ tiêu chí thôn, làng (theo Quyết định số 183/QĐ-UBND, ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh), như sau:

- Xã Ia Nan:

Làng Sơn: Đạt 18/19 tiêu chí; chưa đạt 01 tiêu chí (10).

Thôn Ia Boong: Đạt 16/19 tiêu chí; chưa đạt 03 tiêu chí (9, 10, 17);

Thôn Ia Nhú: Đạt 14/19 tiêu chí; chưa đạt 04 tiêu chí (9,10,15,16,17);

Thôn Đức Hưng: Đạt 15/19 tiêu chí; chưa đạt 04 tiêu chí (9,10,15,17);

Thôn Ia Dao: Đạt 15/19 tiêu chí; chưa đạt 04 tiêu chí (9,10,15,17);

Thôn Ia Kle: Đạt 13/19 tiêu chí; chưa đạt 6 tiêu chí (2,9,10,14,15,17);

Thôn Ia Chía: Đạt 14/19 tiêu chí; chưa đạt 05 tiêu chí (2,9,10,16,17);

Làng Núi: Đạt 12/19 tiêu chí; chưa đạt 07 tiêu chí (2,9,10,11,14,16,17);

Làng Tung: Đạt 10/19 tiêu chí; chưa đạt 9 tiêu chí (5,9,10,11,12,14,15,16,17);

- Xã Ia Pnôn:

Làng Triêl: Đạt 13/19 tiêu chí; chưa đạt 06 tiêu chí (2,9,10,11,13,17);

Làng Chan: Đạt 10/19 tiêu chí; chưa đạt 09 tiêu chí (2,5,9,10,11,13,16,17,18);

Làng Ba: Đạt 11/19 tiêu chí; chưa đạt 08 tiêu chí (2,5,9,10,11,13,17,18);

Làng Bua: Đạt 10/19 tiêu chí; chưa đạt 09 tiêu chí (2,5,9,10,11,13,15,17,18);

2. Về thực trạng và giải pháp thực hiện các làng thuộc Đề án 1385 phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020

Theo Kế hoạch số 2761/KH-UBND, ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh, giao chỉ tiêu cho huyện đến cuối năm 2020, phần đầu có 06/9 thôn làng (Làng Sơn, Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Dao, Ia Kle) đạt chuẩn nông thôn mới.

Những tiêu chí chưa đạt tập trung, gồm: tiêu chí 2, 9, 10, 14, 15, 16, 17; trong đó: Làng Sơn (chưa đạt tiêu chí 10); Thôn Ia Boong (chưa đạt tiêu chí 9, 10, 17); Thôn Ia Nhú (chưa đạt tiêu chí 9,10,15,16,17); Thôn Đức Hưng (chưa đạt tiêu chí

9,10,15,17); Thôn Ia Dao (chưa đạt tiêu chí 9,10,15,17); Thôn Ia Kle (chưa đạt tiêu chí 2,9,10,14,15,17). Cụ thể:

*** Đối với tiêu chí 2 (Thôn Ia Dao: chưa đạt)**

- Lý do: Có 4,2/4,7 km đường nội thôn cứng hoá (chiếm 89%); còn 0,5 km đường đất, trơn trượt vào mùa mưa (nội dung 2.3).

- Giải pháp thực hiện: Đã bố trí một phần vốn từ vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM, đầu tư 300m thực hiện trong năm 2020.

*** Đối với tiêu chí 9 (Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Dao, Ia Kle chưa đạt):**

- Lý do:

Thôn Ia Boong: Còn 01 nhà dột nát (nội dung 9.1).

Thôn Ia Nhú: Còn 28 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 19 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

Thôn Đức Hưng: Còn 06 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 06 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

Thôn Ia Dao: Còn 24 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 16 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

Thôn Ia Kle: Còn 31 hộ có nhà, vườn chưa bố trí ngăn nắp (nội dung 9.2); còn 20 hộ chưa có khuôn viên nhà ở được chỉnh trang ngăn nắp; có cổng ngõ, hàng rào (nội dung 9.3).

- Giải pháp thực hiện: Vận động nhân dân đối ứng kinh phí và huy động, bố trí nguồn kinh phí để xoá nhà tạm, dột nát và chỉnh trang ngăn nắp nhà ở, vườn, cổng ngõ, hàng rào...

*** Đối với tiêu chí 10 (Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Dao, Ia Kle chưa đạt):**

- Lý do: Yêu cầu đạt chuẩn năm 2019 (thôn, làng KV I, II: >40 triệu đồng)

Thôn Ia Boong: Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 37 triệu đồng/người/ năm.

Thôn Đức Hưng: Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 39 triệu đồng/người/năm.

Thôn Ia Nhú: Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 36 triệu đồng/người/ năm.

Thôn Ia Kle: Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 38 triệu đồng/người/ năm.

Thôn Ia Dao: Thu nhập bình quân năm 2019 đạt 36,5 triệu đồng/người/ năm.

- Giải pháp thực hiện: Rà soát lại tất cả các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá thu nhập bình quân. Hỗ trợ phát triển các mô hình chăn nuôi nông hộ, tái đàn. Vận động nhân dân tham gia các chuỗi liên kết sản xuất như: Chuỗi liên kết cà phê, hạt điều.

*** Đối với tiêu chí 14 (Thôn Ia Kle).**

-Lý do: Chưa đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở >90% theo quy định (nội dung 14.1).

- Giải pháp thực hiện: Rà soát thanh thiếu niên trên địa bàn, tổ chức các lớp bồi dưỡng, phổ cập THCS theo quy định.

*** Đối với tiêu chí 15 (Thôn Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Đao, Ia Kle: chưa đạt)**

- Lý do:

Thôn Ia Nhú: Còn thiếu 17 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

Thôn Đức Hưng: Còn thiếu 19 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

Thôn Ia Đao: Còn thiếu 13 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

Thôn Ia Kle: Còn thiếu 78 người chưa tham gia BHYT (nội dung 15.1).

- Giải pháp thực hiện: Chỉ đạo xã có kế hoạch phân công ban, ngành đoàn thể xã, Trạm y tế xã chịu trách nhiệm phụ trách từng thôn, làng, hộ dân thực hiện công tác vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế.

*** Đối với tiêu chí 16 (Thôn Ia Nhú, Ia Đao)**

- Lý do: Các thôn còn xảy ra tình trạng trộm cắp, mất an ninh trật tự.

- Giải pháp: Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự; hoàn chỉnh hồ sơ công nhận thôn, làng văn hoá hàng năm.

*** Đối với tiêu chí 17 (Thôn Ia Nhú, Ia Boong, Đức Hưng, Ia Đao, Ia Kle)**

- Lý do:

Thôn Ia Nhú: Còn 16 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm

Thôn Ia Boong: Còn 31 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thôn Đức Hưng: Còn 23 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thôn Ia Đao: Còn thiếu 16 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thôn Ia Kle: Còn thiếu 20 hộ, cơ sở SXKD chưa đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Giải pháp: Tổ chức rà soát, lập danh sách, tập huấn, các hộ dân ký cam kết sản xuất, kinh doanh đảm bảo ATTP.

(Có phụ lục 01, 02 kèm theo).

II. Về kiến nghị, đề xuất

1. Về mục tiêu phấn đấu:

UBND huyện đề xuất không bổ sung, tăng thêm số thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới đến cuối năm 2020. Theo kế hoạch, UBND tỉnh giao chỉ tiêu cho huyện thực hiện 06/9 thôn làng (Làng Sơn, Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng, Ia Đao, Ia Kle) đạt chuẩn nông thôn mới (theo Kế hoạch số 2761/KH-UBND, ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh) đã quá sức với khả năng thực tế các thôn, làng trên địa bàn huyện. Do đó, dự kiến đến cuối năm 2020, huyện chỉ đạt được 04/9 thôn, làng (Làng Sơn, Thôn Ia Boong, Ia Nhú, Đức Hưng) đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 (theo Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện và Công văn số 2401/UBND-KT, ngày 13/12/2019 của UBND huyện).

Bên cạnh đó, thực tế xuất phát điểm các thôn, làng còn thấp; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn; đặc biệt là tình hình thiên tai, hạn hán, dịch bệnh liên tiếp xảy ra, ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các tiêu chí chủ yếu là từ nội lực của nhân dân mới có thể đạt được (như tiêu chí 9- nhà ở; tiêu chí 10- thu nhập; tiêu chí 11- hộ nghèo; tiêu chí 17- môi trường...). Do đó, cho dù nguồn lực nhà nước quan tâm đầu tư, nhưng một số thôn, làng khó đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra đến cuối năm 2020 (như thôn Ia Đao, Ia Kle, xã Ia Nan).

2 Về đăng ký danh mục các công trình đầu tư cho các thôn, làng:

Đề nghị UBND tỉnh quan tâm tiếp tục tăng cường vốn đầu tư cho các thôn, làng không nằm trong kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn năm 2020, để góp phần hoàn

thiện cơ sở hạ tầng, tăng khối lượng đạt các chỉ tiêu, nội dung thành phần của tiêu chí, hỗ trợ các thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới những năm tiếp theo.

Tổng nguồn vốn đề xuất bổ sung kinh phí để hỗ trợ thực hiện năm 2020: 21,542 tỷ đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu đồng*), sẽ hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí tại các thôn, làng như sau:

- Hoàn thành tiêu chí số 2: tại thôn Ia Đao, Ia Boong, Ia Chía, xã Ia Nan.
- Hoàn thành tiêu chí số 5: tại làng Núi, xã Ia Nan
- Hoàn thành tiêu chí số 6: tại thôn Ia Boong, Ia Kle, Ia Đao, xã Ia Nan.
- Hoàn thành chỉ tiêu số 2.3 thuộc tiêu chí số 2: tại làng Triêl, làng Bua, làng Ba, làng Chan, xã Ia Pnôn.

(Cụ thể tại phụ lục 03 kèm theo).

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh xem xét, tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Sở NNPTNT;
- Văn phòng ĐPXDNTM tỉnh;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBND xã Ia Nan, Ia Pnôn;
- Lưu VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Thành

PHỤ LỤC 01:
TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT TIÊU CHÍ CÁC THÔN, LÀNG CỦA HUYỆN ĐỨC CỜ

Ghi chú: Tiêu chí đạt đánh dấu x

Stt	Thôn, làng	Nhóm tiêu chí																			Tổng số tiêu chí đạt		
		Hạ tầng kinh tế - xã hội									Kinh tế và Tổ chức sản xuất						Văn hóa - Xã hội - Môi trường					Hệ thống chính trị	
		1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính, bình đẳng giới	19. Quốc phòng và An ninh			
1	XÃ LA NAN	9	6	9	9	8	9	9	9	1	0	7	8	9	6	4	5	1	9	9			
1	Làng Sơm	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	18		
2	Thôn la Boong	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X		X	X	16		
3	Thôn la Nhú	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X				X	X	14		
4	Thôn Đức Hưng	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X		X		X	X	15		
5	Thôn la Dao	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X		X		X	X	15		
6	Thôn la Chia	X		X	X	X	X	X				X	X	X	X	X			X	X	14		
7	Làng Nủ	X		X	X	X	X	X					X	X		X			X	X	12		
8	Làng Tung	X	X	X	X		X	X						X					X	X	10		
9	Thôn la Kle	X		X	X	X	X	X				X	X	X			X		X	X	13		



Stt		Thôn, làng	Nhóm tiêu chí																	Tổng số tiêu chí đạt		
			Hạ tầng kinh tế - xã hội									Kinh tế và Tổ chức sản xuất				Văn hóa - Xã hội - Môi trường					Hệ thống chính trị	
			1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và Truyền thông	9. Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm		18. Hệ thống chính, bình đẳng giới	19. Quốc phòng và An ninh
II	XÃ IA PNÔN	3	0	3	3	0	3	3	3	0	0	0	3	0	3	2	2	0	0	3		
1	Làng Triết	X		X	X	X	X	X				X		X	X	X	X		X	X	13	
2	Làng Chan	X		X	X		X	X				X		X	X	X				X	10	
3	Làng Ba	X		X	X		X	X				X		X	X	X	X			X	11	
4	Làng Bua	X		X	X		X	X				X		X		X	X			X	10	
TỔNG CỘNG		12	6	12	12	8	12	12	1	0	7	11	9	9	9	6	7	1	9	12		



PHỤ LỤC 02:
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÂN ĐẦU ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

STT	Tên xã	Thời gian đăng ký đạt chuẩn		Số tiêu chí đã đạt chuẩn	Các tiêu chí chưa đạt chuẩn	Kế hoạch phân đầu hoàn thành các tiêu chí			Ghi chú
		Năm 2019	Năm 2020			Năm 2019	Năm 2020	Sau năm 2020	
I	XÃ IA NAN	1	5						
1	Làng Sơn	X		18	1 tiêu chí: 10		1 tiêu chí: 1		Đạt chuẩn năm 2018, tiếp tục duy trì và hoàn thiện tiêu chí
2	Thôn Ia Boong		X	16	3 tiêu chí: 9,10,17		3 tiêu chí: 9,10,17		Đạt chuẩn năm 2020
3	Thôn Ia Nhú		X	14	5 tiêu chí: 9,10,15, 16,17		5 tiêu chí: 9,10,15, 16,17		Đạt chuẩn năm 2020
4	Thôn Đức Hưng		X	15	4 tiêu chí: 9,10,15,17		4 tiêu chí: 9,10,15,17		Đạt chuẩn năm 2020
5	Thôn Ia Dao		X	15	4 tiêu chí: 9,10,15,17		4 tiêu chí: 9,10,15,17		Chỉ tiêu Tỉnh giao đạt chuẩn năm 2020 (Nhưng khó đạt)
6	Thôn Ia Kle		X	13	6 tiêu chí: 2,9,10,14,15,17		6 tiêu chí: 2,9,10,14,15,17		Chỉ tiêu Tỉnh giao đạt chuẩn năm 2020 (Nhưng khó đạt)
7	Thôn Ia Chia			14	5 tiêu chí: 2,9,10,16,17		5 tiêu chí: 2,9,10,16,17		Đạt chuẩn sau năm 2020
8	Làng Nù			12	7 tiêu chí: 2,9,10,11,14,16,17		4 tiêu chí: 2,14,16,17	3 tiêu chí: 9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020
9	Làng Tung			10	9 tiêu chí: 5,9,10,11,12,14,15,16,17		5 tiêu chí: 5,12,14,15,16	4 tiêu chí: 9,10,11,17	Đạt chuẩn sau năm 2020
II	XÃ IA PNÔN		1						
1	Làng Triel		X	13	6 tiêu chí: 2,9,10,11,13,17		6 tiêu chí: 2,9,10,11,13,17		Chỉ tiêu Huyện phân đầu đạt chuẩn năm 2020 (Nhưng khó đạt)
2	Làng Chan			10	9 tiêu chí: 2,5,9,10,11,13,16,17,18		4 tiêu chí: 13,16,17,18	5 tiêu chí: 2,5,9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020
3	Làng Ba			11	8 tiêu chí: 2,5,9,10,11,13,17,18		3 tiêu chí: 13,17,18	5 tiêu chí: 2,5,9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020
4	Làng Bua			10	9 tiêu chí: 2,5,9,10,11,13,15,17,18		4 tiêu chí: 13,15,17,18	5 tiêu chí: 2,5,9,10,11	Đạt chuẩn sau năm 2020



Phụ lục 03:
DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MŨI QUỐC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Mục tiêu đầu tư
					Tổng số	Trong đó			
						Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG				21.542	20.550	0	992	
I	XÃ IA NAN				8.748	8.400	0	348	
2	Đường vào khu sản xuất thôn Ia Dao	Ia Dao	L= 0,50m, Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; 02 cống hộp 200x200; mương thoát nước	2020	1.263	1.200		63	Nâng cấp những đoạn đường hư hỏng, hoàn thiện tiêu chí 2
4	Đường giao thông nội thôn Ia Boong	Ia Boong	L=1,5km, Bn=5,0, Bm=3,0; DDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	1.579	1.500		79	nt
5	Nâng cấp, sửa chữa đường trục thôn; làm mới Đường ra khu sản xuất thôn Đức Hưng	xã Ia Nan	Sửa chữa nền , mặt đường , L= 1,0 km; Xây dựng mới , L=0,4km; đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 18cm; hệ thống thoát nước	2020	1.474	1.400		74	nt
6	Trường MN Hoa Cúc	làng Nủ	Làm nhà vòm DT 600m2; 01 phòng làm việc; 01 phòng y tế; 01 phòng bảo vệ	2020	1.200	1.200			Bổ sung, hoàn thiện tiêu chí số 5
7	Giếng khoan tại trụ sở các thôn Ia Boong; Ia Dao; Ia Kle	thôn Ia Boong; Ia Dao; Ia Kle	Giếng sâu 120m và các hạng mục phụ	2020	600	600		0	Bổ sung, hoàn thiện tiêu chí số 6
9	Xây dựng đường vào bãi rác chung xã Ia Nan	làng Nủ	Chiều dài , L=1,2km; Bn=5,5m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 18cm; hệ thống thoát nước	2020	1.579	1.500		79	Đạt tiêu chí số 2
10	Đường giao thông thôn Ia Chia (Đoạn từ tiếp giáp trường Cù Chính Lan đến nhà ông Quyền)	Thôn Ia Chia	L=0,6km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; DDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2 hệ thống thoát nước	2020	1.053	1.000		53	Đạt tiêu chí số 2

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Mục tiêu đầu tư
					Tổng số	Trong đó			
						Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện, xã	Vốn huy động khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	XÃ IA PNÔN				12.794	12.150	0	644	
1	Đường giao thông làng Triết (Đoạn đường từ nhà SHCD đi nhà Rơ Chăm Hui, từ nhà Rơ Mal Đon đi xuống giọt nước)	Làng Triết	L= 0,50m, Bn=5,50m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; đường; hệ thống thoát nước	2020	895	850		45	Đạt chỉ tiêu 2.3 thuộc tiêu chí số 2
2	Đường vào khu sản xuất Ia Sắp (đoạn từ rẫy Bà Lê Thị Thiện đến đập Ia Sắp)	Làng Bua	L=1,2km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	1.421	1.350		71	nt
3	Đường giao thông làng Bua (Đoạn từ dốc làng Cùi đi đồn Biên phòng 725)	làng Bua	L=0,9km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; DD/LN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2; hệ thống thoát nước	2020	1.473	1.400		73	nt
4	Đường giao thông làng Bua (đoạn từ nhà Ông Phạm Văn Trụ đến dốc làng Cùi)	làng Bua	L=1,3km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; Đường DD/LN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2; hệ thống thoát nước	2020	1.474	1.400		74	nt
6	Đường giao thông làng Bua (đoạn từ nhà Ông Lương Văn Mạnh đi nhà Ông Rơ Chăm Năk)	làng Bua	L=0,8km, Bn=5,5m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	1.158	1.100		58	nt
7	Đường giao thông làng Bua (đoạn từ sân bóng ông Đăng Bá Hòa đi vào cầu suối IaKriêng)	làng Bua	L=0,9km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường DD/LN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2; hệ thống thoát nước	2020	1.263	1.200		63	nt
5	Đường giao thông làng Ba (Đoạn đường từ Nhà thờ Công giáo đi đến cao su; đi tuyến 2; đi giọt nước làng Bua)	Làng Ba	L=1,2km, Bn=5,0m; Bm=3,5m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	1.684	1.600		84	nt
8	Đường giao thông làng Ba (Đoạn đường từ tuyến 2 đến nghĩa trang làng Ba)	Làng Ba	L=0,5km, Bn=5,0m; Bm=3,5m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	895	850		45	nt
9	Đường giao thông làng Chan (Đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cao su đội 711)	Làng Chan	L= 0,4km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; Đường DD/LN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2; hệ thống thoát nước	2020	842	800		42	nt

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Mục tiêu đầu tư	
					Tổng số	Trong đó				
						Dự phòng ngân sách TW	Ngân sách Huyện,xã	Vốn huy động khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10	Đường giao thông làng Chan (Đoạn từ tuyến 2 đi suối và đoạn nối tuyến 2 làng Chan)	làng Chan, làng Bua	L=0,55km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường BTXM đá 2x4, Mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	2020	947	900			47	nt
11	Đường giao thông làng Chan (Đoạn từ nhà Ông Nguyễn Văn Khang đến cao su đội 711; từ nghĩa trang đến suối)	Làng Chan	L= 0,4km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; Đường BDLN, dày 12 cm, TCN 3,0kg/m2; hệ thống thoát nước	2020	742	700			42	nt